

NHÂN TỐ TÔN GIÁO TRONG LỊCH SỬ NƯỚC MỸ VÀ TRONG QUAN HỆ MỸ - VIỆT NAM NHỮNG NĂM 2003-2006

**TRẦN THỊ VINH*
ĐẶNG ĐÌNH QUỲY****

Trong các nhân tố chính trị, chính sách và bản sắc văn hóa Mỹ, tôn giáo là nhân tố đặc biệt quan trọng. Tôn giáo là chủ đề xuyên suốt trong lịch sử nước Mỹ. Trong chính sách đối ngoại của Mỹ, tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến tư duy của người Mỹ về thế giới bên ngoài và phương cách mà người Mỹ phản ứng với các sự kiện diễn ra đối với phần còn lại của thế giới. Trên thực tế, tôn giáo thực sự có ảnh hưởng tới quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ. Bài viết này sẽ tập trung phân tích vai trò của nhân tố tôn giáo trong lịch sử nước Mỹ, trong chính sách đối ngoại của Mỹ cũng như những tác động của nhân tố này đối với quan hệ Mỹ - Việt Nam giai đoạn 2003-2006, khi Mỹ đưa Việt nam vào danh sách "Các nước cần quan tâm đặc biệt về tôn giáo" (Country of Particular Concern on Religious Freedom- CPC) và quá trình Việt Nam đấu tranh để buộc Mỹ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách này.

1. Tôn giáo trong lịch sử nước Mỹ và chính sách đối ngoại của Mỹ

1.1. Tôn giáo - một chủ đề xuyên suốt trong lịch sử nước Mỹ

Lịch sử hình thành nước Mỹ cho thấy, những người định cư đầu tiên trên đất Mỹ là những tín đồ bị xua đuổi, bị kết án, phải vượt biển đến vùng đất mới để mưu sinh và tìm kiếm tự do để theo đuổi đức tin của mình. Năm 1513, những người châu Âu đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ là người Tây Ban Nha, dưới sự chỉ huy của Juan Ponce de Leon, họ đã tìm đường đến bán đảo rộng lớn mà ngày nay là Florida. Tám năm sau, các mục sư Cơ Đốc giáo La Mã đã đến đây để truyền giáo cho các thổ dân da đỏ, và từ năm 1564, người Tây Ban Nha đã thành lập St. Augustine, một trong số những thị trấn cổ xưa ở Bắc Mỹ, nằm ở Đông Bắc Florida. Trước khi thế kỷ XVI kết thúc, các nhà truyền giáo thuộc dòng thánh Francis đã tới khu vực mà ngày nay là bang New Mexico.

Vào thế kỉ XVII, dòng người từ Anh quốc tìm đường giải thoát khỏi sự ngược đãi tôn giáo đã đồng thời đặt nền móng cho sự ra đời và thịnh vượng của nước Mỹ. Một trong

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** ThS. Học viện Ngoại giao

số những hệ quả của cuộc cải cách tôn giáo ở Anh dưới thời Vua James I (1603 - 1625) là việc các tín đồ Thanh giáo bị đàn áp dã man, khiến cho người Anh rời bỏ quê hương di cư sang Bắc Mỹ với hy vọng được tự do về tư tưởng để thực hiện đức tin của mình ngày một đông. Tính đến năm 1752, chính quyền Anh đã thành lập ở Bắc Mỹ 13 thuộc địa với dân số 1,3 triệu người. Ngay từ thời kỳ thuộc địa (1600-1776), lịch sử nước Mỹ được đánh dấu bằng sự đa dạng về tôn giáo do những người Mỹ bản địa, những nô lệ châu Phi và những người di cư đến từ châu Âu. Họ đã thực hiện những lễ nghi tôn giáo riêng của mình dưới nhiều hình thức khác nhau. Với khoảng 550 cộng đồng và ngôn ngữ khác nhau tại nước Mỹ vào thế kỷ XVII, nền văn hóa của người Mỹ bản địa đã được ghi nhận bởi tính đa dạng nổi bật trong thời kỳ lập quốc (1).

Sang thế kỷ XVIII, ba năm sau khi viết Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776), Thomas Jefferson đã soạn thảo Đạo luật Virginia về tự do tín ngưỡng (The Virginia Act For Establishing Religious Freedom) vào năm 1779. Đây là bộ luật đầu tiên nhằm bảo vệ tự do tôn giáo tại Mỹ, được ban hành năm 1786, trong đó khẳng định quyền tự do tôn giáo và tự do tranh luận để bảo vệ quan điểm tôn giáo của người Mỹ. Tôn giáo và quyền tự do tôn giáo là một quyền cơ bản đã được ghi nhận trong Điều bổ sung sửa đổi thứ nhất của Hiến pháp Mỹ và đã ăn sâu trong lịch sử và bản sắc dân tộc Mỹ. Vào cuối thế kỷ XVIII, tính đa dạng tôn giáo ở Mỹ đã rất nổi bật, và đây là một đặc tính không thể phủ nhận trong bức tranh xã hội ngay từ buổi bình minh của nước Mỹ. Trong thế giới tôn giáo đa dạng và phong phú của nước Mỹ thời kỳ lập quốc, đạo Tin Lành chiếm vai trò chủ đạo.

Thế kỉ XIX, trước nguy cơ nội chiến, Tổng thống James Buchanan, Tổng thống thứ 15 của nước Mỹ trong những năm 1857 - 1861, đã biểu thị sự lo ngại đặc biệt của mình về khả năng cuộc nội chiến có thể làm giảm sút vai trò của nước Mỹ đối với các quyền tự do công dân và tôn giáo trên toàn thế giới. Những năm sau Nội chiến, Ulysses Simpson Grant, Tổng thống thứ 18 của nước Mỹ trong những năm 1869-1877, trước nhiệm vụ khó khăn trong công cuộc tái thiết đất nước sau thảm họa chiến tranh, đã đề cao tự do tôn giáo, bên cạnh vấn đề an ninh tài sản, như một nhu cầu thiết yếu để đảm bảo "điều tốt đẹp nhất cho đa số công chúng".

Trong thế kỉ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, người dân Mỹ tiếp tục coi trọng quyền tự do tôn giáo như quyền tự do phát triển kinh tế. Tổng thống thứ 43 của nước Mỹ trong những năm 2001-2009, George W. Bush, đã nhắc nhở người Mỹ quan tâm đến nguồn gốc sâu xa của quyền tự do này trong xã hội Mỹ và cho rằng, chính các bậc tiền bối của nước Mỹ trong quá trình lập quốc đã nhận thấy tầm quan trọng của tự do tôn giáo đối với việc xây dựng một liên minh ổn định và bền vững. Sự quan tâm đối với các giá trị tôn giáo đã giúp cho George W. Bush giành được sự ủng hộ của một bộ phận không nhỏ dân chúng Mỹ. Theo thống kê, có tới 56% những người "đến nhà thờ cầu nguyện hàng tuần" đã bỏ phiếu cho Bush trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 2000 và tỷ lệ này tăng lên 63% trong cuộc bầu cử năm 2004 (2).

Ngày nay, cũng như trong lịch sử trước đây, đa số người Mỹ đề cao các tín ngưỡng và nghi lễ tôn giáo cơ bản - một nét đặc thù trong đời sống người dân. Tháng 6-2008, Diễn đàn Pew về Tôn giáo và Đời sống cộng đồng phi lợi nhuận đã công bố kết quả một

cuộc điều tra trên quy mô lớn, khảo sát trên 35.000 người, theo đó 92% người Mỹ cho rằng họ tin vào Chúa; 75% cho biết họ cầu nguyện ít nhất mỗi tuần một lần, nhiều người trong số họ cầu nguyện hàng ngày. Các kết quả đó cũng phù hợp với các cuộc điều tra đã công bố trước đây, theo đó cứ 10 người thì có trên 7 người tuyên bố tôn giáo có ý nghĩa "quan trọng" hoặc "hết sức quan trọng" trong cuộc sống của họ. Niềm tin cho rằng tín ngưỡng bản thân nó có giá trị to lớn đã có từ lâu trong lịch sử nước Mỹ. Tổng thống George Washington đã từng tuyên bố trong diễn văn kết thúc nhiệm kỳ của ông vào năm 1796 rằng, người dân trong một chính thể cộng hòa có thể sẽ không tự làm chủ được đất nước và có đầy đủ quyền tự do của họ nếu họ không có đức hạnh. Washington cho rằng, "đức hạnh đó dựa trên tôn giáo và đạo lý" (3).

1.2. Tôn giáo trong chính sách đối ngoại của Mỹ

Với quan điểm cho rằng tự do tôn giáo là trụ cột trong hệ thống hiến pháp của nước Mỹ, tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến tư duy của người Mỹ với thế giới bên ngoài. Trên thực tế, người Mỹ tin rằng nước Mỹ được Chúa lựa chọn trong sứ mệnh chống lại mọi thế lực đàn áp tôn giáo và tự do trên toàn thế giới, rằng nước Mỹ có sứ mệnh cải tạo thế giới. Niềm tin này được xây dựng và củng cố trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của nước Mỹ (4). Phần lớn các học giả, chính trị gia Mỹ đều cho rằng, việc phổ biến dân chủ và tự do tôn giáo trên thế giới là một trong những biện pháp để củng cố an ninh cho nước Mỹ (5). Ngày nay, nếu đến Bộ Ngoại giao Mỹ ở thủ đô Washington D.C, người ta thấy ngay bên trên cổng chính vào Bộ Ngoại giao là một bức tranh thể hiện rõ điều này. Bức tranh nổi tiếng về trên

tường của Kindred McLeary, họa sĩ hàng đầu nước Mỹ, nói về các quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do hội họp và tự do báo chí. Bức tranh được hoàn thành năm 1942, một trong những thời điểm nhiều thách thức nhất trong lịch sử nước Mỹ, khi Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến rất gần nước Mỹ. Điều đó cho thấy một thực tế là, trong quan điểm của người Mỹ, ngay cả ở những thời điểm đất nước bị thách thức và đe dọa, thì một trong những trọng tâm chính sách đối ngoại của nước Mỹ vẫn là bảo vệ và thúc đẩy các quyền tự do cơ bản, bắt đầu bằng quyền tự do tôn giáo.

Lịch sử nước Mỹ cho thấy, hệ thống chính trị Mỹ luôn cho phép và tạo điều kiện cho các nhóm lợi ích tôn giáo hoạt động. Bằng các cách khác nhau, nhất là thông qua lá phiếu của các tín đồ, các nhóm lợi ích tôn giáo tác động vào chính quyền, vào Quốc hội để phát triển đức tin và mở rộng ảnh hưởng tôn giáo của mình. Tôn giáo trên thực tế luôn luôn bị chính trị hóa và được sử dụng như một công cụ trong cả nền chính trị nội bộ cũng như trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Có thể thấy, ngay từ thời kỳ thuộc địa cho đến nay, tôn giáo được sử dụng như một công cụ để tập hợp lực lượng phục vụ cho các mục tiêu đối nội và đối ngoại. Đặc điểm này xuyên suốt trong lịch sử nước Mỹ. Thông qua tôn giáo, người Mỹ được giáo dục và tuyên truyền về sứ mệnh mở ra một thời đại mới không phải chỉ cho nước Mỹ mà còn là một nền dân chủ trên toàn cầu và một "thế giới tự do". Trong tư duy người Mỹ, trong "thế giới tự do" đó, tự do tôn giáo là một phần không thể thiếu và đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Năm 1998, Tổng thống Mỹ đã ký ban hành Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế

(International Religious Freedom Act - HR 2431). Đạo luật này khẳng định ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ và quy định các biện pháp mới để thúc đẩy và bảo vệ quyền tự do tôn giáo. Đạo luật cũng cho phép thành lập Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế và vị trí Đại sứ lưu động phụ trách Quyền tự do tôn giáo quốc tế tại Bộ Ngoại giao Mỹ, có nhiệm vụ phối hợp cùng nhau để theo dõi tình trạng tôn giáo trên toàn thế giới, đồng thời xây dựng các chính sách và chương trình thúc đẩy quyền tự do tôn giáo. Mục tiêu đó được thực hiện thông qua sự phối hợp với các đại sứ quán Mỹ ở các nước trên thế giới, các quan chức nước ngoài, các tổ chức tôn giáo và nhân quyền.

Một biện pháp quan trọng mà Bộ ngoại giao Mỹ tiến hành hàng năm là Báo cáo thường niên về quyền tự do tôn giáo quốc tế do quốc hội ủy quyền thực hiện. Báo cáo này tóm lược thực trạng quyền tự do tôn giáo ở 197 quốc gia trên thế giới hàng năm và được công bố bằng tiếng địa phương trên nhiều trang web của các đại sứ quán Mỹ ở nước ngoài. Với các nước mà Mỹ cho là có vi phạm nghiêm trọng quyền tự do tôn giáo theo tiêu chí của Mỹ, Bộ Ngoại giao Mỹ sẽ đưa vào danh sách CPC. Trong điều 405, khoản A của Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế quy định, Tổng thống Mỹ có quyền thực hiện các biện pháp từ thấp đến cao đối với các nước có trong danh sách CPC:

1. Yêu cầu giải thích (với chính quyền Mỹ),
2. Yêu cầu giải thích công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng,
3. Phản đối bằng kênh ngoại giao,
4. Lên án tại các diễn đàn quốc tế,
5. Hoàn hoặc hủy bỏ giao lưu văn hóa
6. Hoàn hoặc hủy bỏ trao đổi khoa học,

7. Từ chối tiếp các đoàn thám làm việc, thăm chính thức, thăm cấp cao của Chính phủ,

8. Hoàn hoặc hủy bỏ các đoàn thám làm việc, thăm chính thức, thăm cấp cao của Chính phủ,

9. Cắt giảm hoặc chấm dứt hỗ trợ phát triển,

10. Ngừng các hoạt động bảo hiểm đầu tư của EXIM Bank, OPIC, TDA

11. Thu hồi, hạn chế hoặc ngừng các viện trợ an ninh quốc phòng,

12. Bỏ phiếu chống tại các tổ chức tài chính quốc tế,

13. Áp dụng cấm vận đối với một phần hay tổng thể đối với một số mặt hàng,

14. Cấm các tổ chức tài chính Mỹ cho vay trên mức 10 triệu USD,

15. Cấm Chính phủ Mỹ có hợp đồng mua hàng hay dịch vụ (6).

Những nội dung của Đạo luật Tự do Tôn giáo có hai điểm đáng lưu ý. Một là, trong đạo luật này không có hình thức triệu hồi đại diện ngoại giao trong phần thẩm quyền của Tổng thống Mỹ nhưng lại quy định việc ủy ban Tự do Tôn giáo quốc tế Mỹ (một tổ chức tư vấn cho quốc hội được thành lập theo Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế) có quyền kiến nghị việc triệu hồi đại diện ngoại giao. Thứ hai, luật này cho phép tổng thống Mỹ được hoãn từ 90 đến 180 ngày để tham khảo với chính phủ các nước bị xếp vào danh sách CPC, các tổ chức nhân quyền phi chính phủ và các bên liên quan Mỹ trước khi quyết định lựa chọn việc áp dụng hình phạt nào trong 15 mức nêu trên.

Luật Tự do Tôn giáo Quốc tế cũng quy định, việc xếp các nước vào danh sách CPC sẽ tự động hết hiệu lực sau hai năm, trừ

khi Chính quyền Mỹ tiếp tục đưa nước đó vào danh sách CPC; đồng thời Mỹ có thể đưa nước đó ra khỏi danh sách CPC nếu nước đó đã chấm dứt hoặc đã tiến hành những biện pháp có thể kiểm chứng được trong việc chấm dứt những vi phạm về tự do tôn giáo theo quan niệm của Mỹ. Thực tế cho thấy, chính quyền Mỹ áp dụng luật này với những linh hoạt nhất định. Hai năm sau khi luật này có hiệu lực, tháng 9-2000, lần đầu tiên Bộ Ngoại giao Mỹ công bố danh sách CPC gồm năm nước: Myanmar, Trung Quốc, Iran, Iraq và Sudan. Hai nước khác là Serbia và Afghanistan cũng bị xem là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng về tự do tôn giáo, nhưng do Mỹ không công nhận Chính phủ Serbia và Afghanistan nên không xếp hai nước này vào danh sách CPC (7). Chính quyền Mỹ cũng không áp dụng các biện pháp trừng phạt nặng hơn những gì đã áp dụng với Myanmar, do nước này đã bị hạn chế xuất khẩu và trung chuyển các thiết bị hàng hóa quân sự từ trước đó (8). Đối với Trung Quốc, Mỹ cũng không áp dụng biện pháp trừng phạt nào nặng hơn việc hạn chế xuất khẩu các thiết bị phòng chống tội phạm đã áp dụng từ đầu những năm 90 thế kỷ XX theo Luật chuẩn chi Ngân sách đối ngoại (9). Cũng như vậy, khi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên bị đưa vào danh sách CPC năm 2001, Chính phủ Mỹ cũng không áp dụng thêm biện pháp nào vì nước này đang bị Mỹ cấm vận.

Khi Tổng thống Bush vào Nhà Trắng, tự do tôn giáo được coi trọng hơn các chính quyền trước đó, đồng thời những mối quan tâm của Chính phủ về tự do tôn giáo ở nhiệm kỳ thứ hai (2004 - 2008) cao hơn nhiệm kỳ đầu (2000 - 2004). Có ba nguyên

nhân lý giải thực trạng này. *Một là*, bản thân Tổng thống Bush là người theo đạo Tin Lành, dòng Methodist. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, Bush thực sự tin Chúa và là một con chiên rất ngoan đạo. Mặc dù có một thực tế là, trong hành vi của các chính trị gia, khó có thể phân biệt được giữa đức tin của họ với động cơ chính trị, tuy nhiên, khác với các Tổng thống khác, trong các phát biểu công khai của Bush, tôn giáo và tự do tôn giáo thường xuyên được đề cập đến (10). *Hai là*, về tư tưởng, Tổng thống Bush chịu ảnh hưởng lớn từ trường phái Bảo thủ mới. Đồng thời, những phụ tá thân cận của Tổng thống Bush cũng theo trường phái này, điển hình là Phó Tổng thống Dick Cheney. Những người bảo thủ mới coi nước Mỹ là siêu đẳng, các giá trị Mỹ bao gồm cả quan điểm về tự do tôn giáo mang giá trị phổ quát và người Mỹ có sứ mệnh bảo vệ và phổ biến các giá trị này trên bình diện toàn cầu (11). *Ba là*, trong chiến lược của chính quyền Bush, bên cạnh cuộc chiến chống khủng bố, việc phổ biến dân chủ và tự do tôn giáo trên thế giới là một trụ cột quan trọng (12).

Trong nhiệm kỳ đầu, Tổng thống Bush tuyên bố "tự do, dân chủ và tự do kinh doanh" là "mô hình bốn vững duy nhất cho thành công của quốc gia" và gần thương mại, viện trợ Mỹ với các điều kiện về dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo (13). Trong diễn văn nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai vào tháng 1-2005, Tổng thống Bush đã nhiều lần nhắc tới thuật ngữ "tự do khỏi sự áp đặt" hay "tự do hành động" và khẳng định, nước Mỹ sẽ hỗ trợ cho những người chiến đấu cho "tự do" trên toàn thế giới. Tổng thống Bush đồng thời cũng nhấn mạnh rằng, lợi ích sống còn của nước Mỹ hợp nhất với đức tin sâu sắc của người Mỹ (14).

Trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại, các cơ quan của chính quyền Bush thể hiện rõ tư tưởng và sự coi trọng vấn đề tự do tôn giáo trong chính sách đối ngoại. So với chính quyền Clinton, chính quyền Bush ráo riết hơn trong việc thực hiện Luật về Tự do Tôn giáo Quốc tế 1998, tập trung nhiều hơn vào tình hình tự do tôn giáo trên thế giới và coi tự do tôn giáo như một công cụ của chính sách đối ngoại. Trong cách nhìn của chính giới Mỹ về tự do tôn giáo, thế giới được chia thành ba nhóm quốc gia: (i) các quốc gia có tự do tôn giáo, (ii) các quốc gia khiếm khuyết về tự do tôn giáo, và (iii) các quốc gia không có tự do tôn giáo cần đặc biệt quan tâm. Quan niệm này của chính quyền Bush đã biến một vấn đề tôn giáo thuần túy thành vấn đề quan hệ quốc tế, gây bất lợi cho không ít quốc gia trên thế giới, mà Việt Nam là một trong số đó.

2. Nhân tố tôn giáo trong quan hệ Mỹ - Việt Nam giai đoạn 2003-2006

2.1. Quá trình Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách "Các nước cần quan tâm đặc biệt về tôn giáo" (2003-2004)

Theo Luật Tự do Tôn giáo Quốc tế Mỹ 1998, Bộ Ngoại giao Mỹ chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi tình hình tự do tôn giáo toàn cầu, ra báo cáo hàng năm và quyết định danh sách CPC. Đối với Việt Nam, từ sau sự kiện xảy ra ở Tây Nguyên năm 2001, các báo cáo hàng năm của Bộ Ngoại giao Mỹ về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam được nhìn nhận theo các tiêu chí của Mỹ và thể hiện tính tiêu cực ngày càng tăng. Các báo cáo từ năm 2002 đến 2004 tập trung vào những khía cạnh mà Mỹ cho là tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam "xấu đi" so với trước, trong đó tập trung vào ba chủ đề về: vấn đề Tin Lành ở Tây Nguyên và Tây Bắc, "Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Thống nhất" (UBCV) và vụ Linh mục Nguyễn Văn Lý.

Trong nền chính trị nội bộ Mỹ, truyền bá tự do tôn giáo cũng như dân chủ, nhân quyền theo kiểu Mỹ là quan điểm thống nhất giữa các đảng phái. Tuy nhiên, trên thực tế, luôn tồn tại sự khác biệt về phương cách thực hiện giữa các đảng và các chính trị gia (15). Tại Quốc hội Mỹ, về cơ bản, hai đảng Dân chủ và Cộng hòa thống nhất về đường lối đối với Việt Nam trong các vấn đề dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo nhưng trên thực tế, luôn tồn tại hai trường phái về phương cách giải quyết trong lĩnh vực này. Một phái chủ trương duy trì và thúc đẩy hợp tác với Việt Nam để dần dần giải quyết vấn đề tự do tôn giáo theo hướng Mỹ mong muốn, đứng đầu là hai Thượng nghị sĩ John McCain và John Kerry cùng hai Hạ nghị sĩ, Đồng chủ tịch Nhóm nghị sĩ vì quan hệ Mỹ - Việt là Lane Evan và Robert Simmon. Phái thứ hai chủ trương dùng các biện pháp cứng rắn, trừng phạt để ép Việt Nam thay đổi, đứng đầu là Thượng nghị sĩ Brown Back và các Hạ nghị sĩ Loretta Sanchez, Chris Smith, Tom David... Các nghị sĩ Mỹ bày tỏ quan điểm và gây sức ép với chính phủ trong các vấn đề đối ngoại bằng các hình thức như: ra tuyên bố riêng, viết thư cho Ngoại trưởng, yêu cầu điều trần, đưa dự thảo nghị quyết, dự thảo luật... Các hình thức tác động này đều có ảnh hưởng tới quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, chỉ khi nào các dự thảo luật được quốc hội thông qua và tổng thống ký thành luật thì mới có giá trị ràng buộc.

Từ đầu năm 2000, đặc biệt là sau sự kiện xảy ra ở Tây Nguyên năm 2001, mỗi năm có hàng trăm bài phát biểu, thông cáo báo chí, thư của cá nhân và của nhóm các nghị sĩ gửi tới Tổng thống và Ngoại trưởng

Mỹ bày tỏ thái độ về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt là trường hợp Linh mục Nguyễn Văn Lý và các vấn đề liên quan đến Tin Lành ở Tây Nguyên. Hình thức tỏ thái độ mạnh hơn là ra nghị quyết và giới thiệu dự luật ra Quốc hội. Tính riêng trong hai năm 2003 - 2004, theo thống kê chưa đầy đủ, có 45 dự luật, dự thảo nghị quyết chống Việt Nam, trong đó văn bản có tác động lớn nhất đến chính quyền Mỹ là Dự luật nhân quyền Việt Nam 2004, được Hạ viện Mỹ thông qua ngày 14-7-2004 với 325 phiếu thuận, 45 phiếu chống và 65 người không bỏ phiếu (16). Có thể thấy, những nhận định về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam và các biện pháp trừng phạt nêu ra trong dự luật này một mặt là sự cụ thể hóa Luật tự do tôn giáo quốc tế Mỹ 1998, mặt khác thể hiện sự áp đặt đối với Chính phủ Mỹ. Sau đó, các tác giả của dự luật này tìm mọi cách để dự luật được thông qua ở Thượng viện nhưng không thành công.

Bên cạnh đó, hoạt động của các tổ chức nhân quyền như Ân xá Quốc tế (Amnesty International - AI), Theo dõi Nhân quyền (Human Right Watch - HRW), Ngôi nhà Tự do (Freedom House - HS), Ủy ban Tự do Tôn giáo Quốc tế Mỹ (United States Commission on International Religious Freedom - USCIRF)... cũng có tác động nhất định đến quá trình hoạch định và triển khai chính sách của chính quyền Mỹ, trong đó USCIRF có ảnh hưởng lớn nhất. Tổ chức này được thành lập theo Luật Tự do Tôn giáo Quốc tế 1998, có chức năng theo dõi tình hình tự do tôn giáo trên thế giới, báo cáo và độc lập đưa ra các khuyến nghị chính sách cho Tổng thống, Ngoại trưởng và Quốc hội Mỹ. Là tổ chức do quốc hội lập ra, hoạt động bằng ngân sách nhà nước với 9 ủy viên hội đồng do Nhà Trắng và người đứng đầu hai đảng chỉ định,

USCIRF có ảnh hưởng lớn tới chính sách tôn giáo của chính quyền Mỹ. Trên thực tế, USCIRF đã có các báo cáo đánh giá tiêu cực tình hình tôn giáo ở Việt Nam trong các năm 2001-2002 và khuyến nghị Chính phủ Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách CPC từ năm 2003.

Trong bối cảnh đó, từ cuối năm 2003, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực đấu tranh chống việc Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách CPC. Cùng với những đổi mới trong chính sách tôn giáo kể từ đầu thập niên 1990, Nghị quyết TW 7 (Nghị quyết 25) năm 2003 về Tôn giáo đã tạo ra những thay đổi quan trọng về nhận thức và quy định đối với tôn giáo. Tháng 6-2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo với những điểm mới trong các quy định về quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực tôn giáo. Trong Pháp lệnh có ba điểm mà phía Mỹ quan tâm: (i) quy định rõ quy trình đăng ký các tổ chức tôn giáo; (ii) quy định rõ hơn về việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong các tổ chức tôn giáo; (iii) quy định về hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của các chức sắc, nhà tu hành và tổ chức tôn giáo. Đồng thời, Việt Nam cũng tăng cường các biện pháp trên các kênh ngoại giao cũng như các hoạt động xã hội khác như tăng cường số lượng và hoạt động của các đoàn sang Mỹ, với thông điệp làm rõ chính sách của Đảng, Nhà nước ta về tôn giáo, vận động Quốc hội, chính quyền và các tổ chức tôn giáo Mỹ biểu dương về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Đồng thời, các biện pháp vận động nội bộ Mỹ thông qua chính người Mỹ do Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ tiến hành được đẩy mạnh, trong đó phải kể đến việc thành lập Nhóm nghị sĩ vì Quan hệ Mỹ-Việt tại Hạ viện Mỹ ngày 2-4-2004 và các hoạt động của nhóm này tại Hạ viện Mỹ.

Bất chấp những cố gắng từ phía Việt Nam, từ cuối năm 2003 đến khi vụ bạo loạn xảy ra ở Tây Nguyên trong dịp lễ Phục sinh tháng 4-2004, Chính phủ Mỹ tiếp tục bày tỏ quan điểm ngày càng mạnh hơn trong vấn đề tự do tôn giáo với Việt Nam, đồng thời tuyên bố hủy bỏ các cuộc đối thoại về nhân quyền với Việt Nam trong năm 2003 và 2004 với lý do không có "tiến triển đầy đủ" trong những "vấn đề chủ chốt về nhân quyền" (17). Sự khác biệt trong các quan điểm về nhân quyền, về tự do tôn giáo đã khiến cho hai bên không tìm được tiếng nói chung. Ngày 15-9-2004, Bộ ngoại giao Mỹ công bố Báo cáo Tự do Tôn giáo Quốc tế năm 2004, đưa Việt Nam vào danh sách CPC cùng với một số nước trên thế giới trong đó có Trung Quốc và Myanmar.

2.2. Quá trình giải quyết vấn đề CPC trong quan hệ Mỹ - Việt Nam (2004 - 2006)

Ngay sau khi Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách CPC, Việt Nam đã nỗ lực đấu tranh để đạt được thỏa thuận về việc giải quyết vấn đề CPC trong quan hệ với Mỹ. Bộ Ngoại giao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ, đại biểu các chức sắc tôn giáo và các tổ chức liên quan đã lên tiếng phản đối quyết định của Mỹ (18). Ngày 16-9-2004, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối Báo cáo về Tự do Tôn giáo của Bộ Ngoại giao Mỹ và khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của mọi công dân. Đồng thời, các hoạt động tuyên truyền về tình hình tôn giáo trong nước cũng như công tác vận động các nhóm xã hội ở Mỹ được tăng cường.

Việc thực thi Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo được đẩy mạnh kể từ khi Pháp lệnh có hiệu lực tháng 11-2004. Tháng 3-2005, Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo được ban hành, trong đó khẳng định, "ng nghiêm cấm việc ép buộc công dân theo đạo, bỏ đạo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước" (19). Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể quy trình đăng ký các tổ chức tôn giáo, thủ tục xây dựng và cải tạo cơ sở thờ tự cũng như các nội dung liên quan trực tiếp đến những vấn đề phía Mỹ quan tâm.

Sau nhiều vòng làm việc với nỗ lực và sự kiên trì của Việt Nam, ngày 5-5-2005, hai bên chính thức đạt được thỏa thuận về việc sẽ không có trừng phạt kinh tế đối với Việt Nam và tiến hành các bước tiếp theo để đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC. Tuy nhiên, chính quyền Mỹ vẫn tiếp tục chịu sức ép từ một số nhóm nghị sĩ và các tổ chức nhân quyền, tôn giáo có chủ trương trừng phạt Việt Nam. Tại Thượng viện, các Thượng nghị sĩ chủ trương trừng phạt Việt Nam đứng đầu là Thượng nghị sĩ Brown Back không từ bỏ ý định đưa Dự luật Nhân Quyền Việt Nam lên Thượng viện và thường xuyên viết thư cho Tổng thống và Ngoại trưởng, nhất là trong những dịp Bộ Ngoại giao Mỹ ra báo cáo thường niên về nhân quyền và tự do tôn giáo quốc tế. Ở Hạ viện, nhóm Hạ Nghị sĩ đứng đầu là Hạ nghị sĩ Christopher Smith cũng phối hợp hành động với nhóm Thượng nghị sĩ trong việc gây sức ép với Quốc hội và chính quyền giữ Việt Nam trong danh sách CPC. Đồng thời, các tổ chức nhân quyền, tôn giáo như HRW, FH và đặc biệt USCIRF cũng gia tăng các hoạt động chống Việt Nam.

Tháng 6-2005, Chính phủ Mỹ đón Thủ tướng Phan Văn Khải trong chuyến thăm cấp cao đầu tiên 30 năm sau chiến tranh. Kết thúc chuyến thăm, Tuyên bố chung xác định khuôn khổ mới của quan hệ giữa hai nước là "quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt" và nguyên tắc giải quyết các vấn đề còn có sự khác biệt là "đối thoại thẳng thắn và cởi mở về những vấn đề cần quan tâm, kể cả việc thực hiện quyền con người, điều kiện cho các tín đồ và dân tộc ít người".

Tháng 11-2005, trong Báo cáo về Tự do Tôn giáo của Bộ Ngoại giao Mỹ 2005, Việt Nam vẫn nằm trong danh sách CPC. Tuy nhiên, khác với báo cáo năm trước, báo cáo về Việt Nam năm 2005 có màu sáng hơn, với nhìn nhận khách quan hơn về những chuyển biến của tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Cũng trong thời gian này, Việt Nam chủ động đẩy mạnh các giải pháp để giải quyết vấn đề CPC, trong đó tập trung giải quyết một số vấn đề phía Mỹ đề nghị như: xem xét đặc xá, cung cấp thông tin của một số trường hợp cá nhân mà người Mỹ quan tâm, đẩy nhanh việc xem xét thủ tục đăng ký hoạt động cho các hệ phái Tin Lành. Công tác thông tin tuyên truyền về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam được tăng cường ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Việt Nam tiếp tục tranh thủ các lực lượng trong nền chính trị nội bộ Mỹ lên tiếng đòi chính quyền đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC.

Tháng 2-2006, trợ lý Ngoại trưởng Mỹ về dân chủ, nhân quyền và lao động - Đại sứ Hanford - đã bắt đầu nối lại các cuộc đối thoại về nhân quyền giữa Mỹ và Việt Nam sau hai năm gián đoạn. Các cuộc tiếp xúc, trao đổi thông tin giữa hai bên gia tăng cùng với việc Việt Nam tiến hành án xá cho một số đối tượng vi phạm luật pháp Việt

Nam mà phía Mỹ quan tâm trong các dịp Tết Nguyên đán 2006, dịp kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam 30-4 và Quốc khánh 2-9. Việc thi hành các văn bản pháp luật mới được đẩy mạnh, theo đó, phần lớn các cơ sở tôn giáo ở Tây Nguyên đã hoạt động trở lại, nhiều cơ sở được tôn tạo, việc đăng ký các chi hội Tin Lành được cải thiện, Đại hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (ở miền Bắc) và Tổng Liên hội Tin Lành Việt Nam (ở miền Nam) được tổ chức với sự hiện diện của các đại diện Đại sứ quán và Tổng lãnh sự quán, trong đó có Tổng Lãnh sự quán Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2006, Chính phủ Mỹ đã nhìn nhận khá quan hơn về quan hệ song phương Mỹ - Việt. Tháng 6-2006, Bộ Ngoại giao Mỹ công khai quảng cáo "Năm 2006 là năm được mùa của quan hệ Mỹ - Việt" (20). Đây là một việc rất ít khi Bộ ngoại giao Mỹ làm đối với một nước vừa và nhỏ. Tại một số diễn đàn, quan chức Bộ Ngoại giao Mỹ, đặc biệt là Đại sứ Hanford đã coi Việt Nam là mô hình thành công của Bộ Ngoại giao Mỹ trong việc giải quyết vấn đề CPC (21). Ngày 13-11-2006, trước khi Tổng thống Bush đến Hà Nội dự Hội nghị Cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và thăm chính thức Việt Nam, Bộ Ngoại giao Mỹ công bố đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC.

3. Nhận xét

Tôn giáo là một chủ đề xuyên suốt trong lịch sử nước Mỹ kể từ khi lập quốc cho đến ngày nay. Trong tư duy của người Mỹ, tự do tôn giáo là một nội hàm quan trọng của tự do, nói cách khác, một phần không thể thiếu của tự do là tự do tôn giáo. Chính vì vậy, đối với người Mỹ, tôn giáo và thúc đẩy tự do tôn giáo theo kiểu Mỹ là một hợp phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Tôn giáo trên thực tế luôn

luôn bị chính trị hóa và được sử dụng như một công cụ trong chính sách đối ngoại Mỹ.

Quá trình Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách "Các nước cần quan tâm đặc biệt về tôn giáo" và quá trình Việt Nam ra khỏi danh sách này cho thấy một thực tế là, Mỹ giữ thế chủ động và sử dụng vấn đề này như một công cụ thực thi chính sách đối với Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam đã xử lý thành công vấn đề CPC, không để vấn đề này ảnh hưởng đến hai mục tiêu lớn nhất trong quan hệ với Mỹ giai đoạn này (2003-2006) là: (i) đưa quan hệ hai nước vào khuôn khổ ổn định lâu dài và (ii) kết thúc đàm phán với Mỹ về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) và đạt được Thỏa thuận về Quy chế Thương mại Bình thường Vĩnh viễn với Mỹ (PNTR). Trong quá trình đấu tranh, Việt Nam đã từng bước chuyển quan hệ hai nước trong lĩnh vực tôn giáo từ cục diện đấu tranh là chủ đạo sang cục diện vừa đấu tranh vừa hợp tác cùng giải quyết vấn đề. Sau khi đạt được thỏa thuận với Mỹ, Việt Nam đẩy nhanh việc thực hiện các nhóm biện pháp ở trong nước và nước ngoài, phối hợp hành động giữa các ngành, các cấp, trên nhiều lĩnh vực để đạt được mục tiêu buộc phía Mỹ phải đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC.

Đặc điểm thể chế chính trị Mỹ, cuộc đấu tranh chính trị nội bộ, vai trò của các nhóm lợi ích (interests groups) là những nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến quan hệ Mỹ - Việt, đặc biệt là trong vấn đề tự do tôn

giáo. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu để hiểu rõ quy trình ra quyết sách cũng như sự vận hành của các nhóm lợi ích trong quá trình này mang ý nghĩa hết sức quan trọng. Thực tế cho thấy, trong các quyết định đối ngoại, quá trình ra quyết sách chịu tác động của nhiều cá nhân và tổ chức có lợi ích không giống nhau ở Mỹ. Do vậy, việc nghiên cứu hệ thống vận hành, quá trình tương tác giữa các nhóm lợi ích trong quá trình ra quyết sách sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại Mỹ cũng như những vấn đề nằm sâu trong bản chất của quan hệ Mỹ - Việt Nam.

Vấn đề tôn giáo và tự do tôn giáo là vấn đề nhạy cảm trong quan hệ Mỹ - Việt, đặc biệt là trong giai đoạn 2003-2006, khi Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách "Các nước cần quan tâm đặc biệt về tôn giáo" và sẽ tiếp tục là vấn đề gai góc trong quan hệ song phương. Thực tế lịch sử cho thấy, có sự khác biệt trong quan niệm về quyền tự do tôn giáo giữa Mỹ với các quốc gia khác trên thế giới, trong đó, giữa Việt Nam và Mỹ đã và đang tồn tại những khác biệt không nhỏ trong vấn đề này. Việc gia tăng đối thoại, giao lưu, tăng cường hiểu biết lẫn nhau có thể giảm thiểu sự khác biệt, tuy nhiên để giải quyết những vấn đề tự do tôn giáo trong quan hệ giữa hai nước thì những tiến triển của Việt Nam trong việc thực hiện công tác tôn giáo, hoàn thiện hệ thống luật pháp về tôn giáo, là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định.

CHÚ THÍCH

(1). Catherine L. Albanese: "Sự đa dạng về tôn giáo ở nước Mỹ thời kỳ mới lập quốc". Tạp chí *Các nhóm tôn giáo thiểu số ở Hoa Kỳ*, tháng 8-2008. http://vietnamease.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0809_ji.html

(2). Kirkpatrick, David D: "The 2004 Campaign: The Republican Agenda; Draft GOP Platform Backs Bush on Security, Gay Marriage, and Immigration". *The New York Times*. <http://www.nytimes.com/2004/08/25/us/2004->

campaign-republican-agenda-draft-gop-platform-backs-bush-security-gay.html. Retrieved June 23, 2009.

(3). Gustav Niebuhr: "Phong trào liên tôn giáo".
 Tạp chí Các nhóm tôn giáo thiểu số ở Hoa Kỳ,
 tháng 8-2008.
http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej0809_vn.html

(4). Judis John B.: The Chosen Nation: The Influence of Religion on US Foreign Policy. *Caregie Indowment Policy Brief* (37), 3-2005, p.2.

(5). Smith Tony: *American's Mission: The United State and the Worldwide Struggle for Democracy in the Twentieth Century*, Princeton University Press, 1994, p.9.

(6). U.S.Congress: International Religious Act. 1998
www.state.gov/document/organization/2297

(7). Department of State: International Religious Freedom 2000.
http://www.state.gov/www/global/human_rights/irf/irf_rp/irf_index.html

(8). The Arms Export Control Act.
http://www.pmddtc.state.gov/regulation_laws/aeca.html

(9). Foreign Relation Authorization Act: *Fiscal Years 1990 and 1991*, PL101-246.

(10). Harris Paul: Bush says God chose him to lead his Nation, *The Guardian*, Nov 2-2003.

(11). Kagan and Kriston: "The Present Denger", *The National Interest* (59), Spring 2000, p.67.

(12). Kesler Charles R: Democracy and the Bush Doctrine, *Claremont*, Winter 2004,
http://www.claremont.org/publications/crb/id.1218/article_detail.asp

(13). Walt Stephen M.: *Taming American Power: The Global Response to U.S. Primacy*, w.w. Norton&Company New York, London, 2005, p. 53.

(14). Bush W. George: Sorn-in Second Term,
<http://georgewbush-whitehouse.archive.gov/inaugura/index.html>

(15). Judis John B: *The Chosen Nation: The Influence of Religion to US Foreign Policy*, sdd, tr. 3.

(16). US Congress: H.R. 1587, 2004 a
<http://www.thomas.gov/cgi-bin/query>

(17). Manyin Mark E.: "Vietnam- US Normalization Process". Congress Research Service, Library of Congress, p.9.

(18). Báo Nhân Dân, Báo Quân đội Nhân dân các ngày 20, 21, 22-9-2004.

(19). Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: "Nghị định số 22-2005, ngày 1-3-2005 về hướng dẫn thi hành một số điều khoản của Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo", Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

(20). Department of State: *The United States and Vietnam: Watershed year*,
http://vietnam.usembassy.gov/relation_archives.html

(21) The Pew Forum on Religion and Public life: *International Religious Freedom: Religion and International Diplomacy*,
<http://pewforum.org/Politics-and-Election/International-religious-Freedom-Religion-and-International-Diplomacy.aspx>